TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **145**/2017/HSST
Ngày 28 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gia

2. Ông Dương Viết Vĩnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Ông Man Anh Hùng, Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 117/2017/ HSST, ngày 19 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Văn T**, sinh năm: 1970;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 6/10;

Con ông: Lưu Văn N(Đã chết) và bà: Trần Thị C, sinh năm: 1940.

Gia đình có 09 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.

Có vợ Tạ Thị P, sinh năm 1971 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/10/2013 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi ngược đãi bố với thời gian 18 tháng.

Ngày 22/11/2017 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội "Giết người".

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

Ông Lưu Văn N, sinh năm: 1934 (đã chết ngày 18/11/2017)

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1940 (Vợ ông N)

2. Chị Lưu Thị N, sinh năm 1959 (Con gái ông N)

3.Chị Lưu Thị T, sinh năm 1961 (Con gái ông N)

4. Chị Lưu Thị T, sinh năm1963 (Con gái ông N)

5. Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1967 (Con gái ông N)

6. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1972 (Con gái ông N)

7. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1974 (Con gái ông N)

8. Chị Lưu Thị G, sinh năm 1979 (Con gái ông N)

Cùng trú tại: Xóm D, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại đều cử Chị Lưu Thị N là đại diện tham gia tố tụng.

(Chị N, chị T, chị T, chị Đ, chị T, chị Th, chị G có mặt tại phiên tòa; bà Chấn vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

Bà Dương Thị C, sinh năm: 1966.

Nơi thường trú: Xóm D, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/6/2017 Lưu Văn T, một mình điều khiển xe đạp điện đi từ nhà đến nhà ông Lưu Văn N(là bố đẻ của T) để lấy gạo về nấu cơm. Khi đến nhà, T nhìn thấy ông N ngồi ở ghế nhưng T không nói gì mà đi thẳng vào trong gian buồng nằm ở phía bên trái nhà chính theo hướng nhìn từ cửa vào để lấy gạo, T lấy khoảng 07 đến 08 kg gạo đựng trong chiếc nồi gang cho vào bao tải dứa rồi ra về. Khi T đi ra đến gần bàn uống nước kê ở giữa nhà chính, thì ông N nhìn thấy T lấy nhiều gạo. Nên đứng dậy và nói "mày lấy ít gạo thôi để tao còn ăn nữa", sau đó ông N ra giằng co bao tải gạo với T. Thấy vậy, T vứt bao tải gạo xuống đất, rồi tay cầm 01 chiếc phích nhãn hiệu Rạng Đông dùng để đựng nước, vỏ phích bằng nhựa màu đỏ, lõi bằng thủy tinh đặt ở nền nhà cạnh bàn uống nước, T cầm vào quai phích đưa phích ra phía sau rồi đánh 01 phát theo chiều từ phải sang trái, từ sau ra trước về phía ông N làm đáy phích trúng vào vùng mặt bên trái ông N, khiến ông N ngã xuống nền nhà trong tư thế nằm nghiêng bên phải, T tiếp tục dùng phích đánh thêm 02 phát vào vùng mặt ông N, sau đó T vứt chiếc phích xuống nền nhà và dùng chân phải đang đeo dép tông đá 01 phát trúng vào vùng bụng ông N, rồi tiếp tục dùng chân phải đạp nhiều nhát vào vùng bụng, sườn trái của ông N khiến ông N nằm bất tỉnh tại chỗ, sau đó T lấy bao tải gạo đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày bà Trần Thị C, sinh năm 1940 là vợ ông N đi làm ruộng về, thấy ông N nằm dưới nền nhà, mặt bị sưng tím, miệng chảy nhiều máu, nên đã gọi người đến đưa ông N đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình, sau được chuyển đến Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên điều trị, rồi tiếp tục được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên điều trị từ ngày 01/7/2017 đến ngày 14/7/2017 thì ra viện.

Ngày 06/7/2017 bà Trần Thị C, là vợ ông N làm đơn trình báo đến cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình đề nghị giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình phối hợp cùng các cơ quan chức năng, T hành thực nghiệm điều tra, cho Lưu Văn T diễn tả lại các hành vi đánh, gây thương tích cho ông Lưu Văn N. Kết quả thực nghiệm, T đã diễn tả lại được đầy đủ các hành vi đánh ông N, phù hợp

với lời khai của T và thương tích trên cơ thể ông N cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bệnh án sao số: 173578 ngày 30/6/2017 của Bệnh viện Gang thép, Thái Nguyên. Xác định ông Lưu Văn N khi vào viện bị đa chấn thương, gãy cung tiếp xương gò má trái, gãy xương sườn số 5, 6, 7, 8, 9, 10 bên trái tràn dịch, tràn khí vùng phổi trái.

Ngày 10/7/2017 cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích và cơ chế hình thành vết thương của ông Lưu Văn N. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 194/TgT ngày 10/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Ông Lưu Văn N, bị gãy sườn 5, 6, 7, 8, 9, 10, bên trái; tràn dịch khoang màng phổi (T); gãy cung tiếp xương gò má trái; vùng ngực trái có vết sẹo mổ dẫn lưu kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Lưu Văn Nlà 25%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày.

Tại cơ quan điều tra Lưu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của T, phù hợp với biên bản sự việc, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lưu Văn N, bố đẻ của T là người bị hại, không có yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự, nhưng có đề nghị xử lý nghiêm hành vi của T theo pháp luật hình sự.

Vật chứng của vụ án là: 01 chiếc phích nhãn hiệu Rạng Đông, vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ, quai màu trắng, ruột phích đã vỡ, phích cũ đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số116/KSĐT ngày 18 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố Lưu Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 của BLHS.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích" Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự

năm 1999 đã sửa đổi năm 2009. (Áp dụng tinh thần theo hướng có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, được hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội). Xử phạt Lưu Văn T từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Lưu Thị N tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường khoản tiền nào nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng và buộc phải nộp án phí HSST để sung quỹ Nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng như người bị hại, người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

* Về nội dung:Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận do bực tức với bố đẻ là ông Lưu Văn Nnên T đã dùng phích đánh vào mặt khiến ông N ngã ra đất thì T tiếp tục dùng chân đạp vào vùng sườn, vùng bụng ông N gây thương tích.

Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác định và khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/6/2017, tại nhà ông Lưu Văn N, thuộc Xóm D, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, do có sự mâu thuẫn trong việc lấy gạo về nấu cơm, nên Lưu Văn T đã dùng một chiếc phích nhãn hiệu Rạng Đông vỏ ngoài bằng nhựa mầu đỏ đánh nhiều phát vào mặt của ông N là cha đẻ của mình làm ông N ngã xuống nền nhà, T tiếp tục dùng chân đá, đạp nhiều nhát vào vùng bụng, vùng sườn của ông N gây tổn hại 25%, sức khỏe.

Xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được việc dùng phích đánh người khác và lại gây thương tích cho chính bố đẻ của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 đã sửa đổi và được hướng dẫn tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017của Quốc hội thì tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 có quy định hình phạt nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáođược quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13.

Nội dung Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11 % nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm,

....

d) Đối với ... người già, yếu...;

...

đ) Đối với....cha, ,mẹ...;

....

i, Có tính chất côn đồ,

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

Nội dung Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:
a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên;
b) ……..
c) ……
d) ……..
đ) ……
e) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
g) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng mình, thầy giáo, cô giáo của mình;
h) ……
i) ……..
k) ……..
l) ……
m) Có tính chất côn đồ;
n) ……
o) ……
2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.
……..

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T. Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp là tội phạm nghiêm trọng. Bị cáo có khả năng nhận thức về tác động của tội phạm do mình gây ra sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đi ngược lại thuần phong, mỹ tục đạo lý của dân tộc Việt Nam. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lưu Văn T đã thành khẩn khai báo về về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của BLHS, nhưng bị cáo có 4 tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS đó là dùng hung khí nguy hiểm; Đối với ... người già, yếu...;Đối với....cha, ,mẹ... và Có tính chất côn đồ. Cho nên, khi lượng hình HĐXX cũng cân nhắc xem xét để có mức án tương xứng với tội trạng mà bị cáo đã gây ra.

Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 14/10/2013 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi ngược đãi bố với thời gian 18 tháng. Ngày 22/11/2017 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội "Giết người".

Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi và tội trạng mà bị cáo đã gây ra.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát nêu trên là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Lưu Thị N không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường khoản tiền nào nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc phích nhãn hiệu Rạng Đông, vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ, quai màu trắng, ruột phích đã vỡ, xét đây là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải nộp án phí HSST để sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, và Điều 6 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Thông báo cho bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của BLHS năm 1999 đã sửa đổi năm 2009 (Áp dụng tinh thần có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi năm 2017, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội). Xử phạt: Lưu Văn T **42** *(bốn mươi hai)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc phích nhãn hiệu Rạng Đông, vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ, quai màu trắng, ruột phích đã vỡ

(Vật chứng đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của BLHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm và sử dụng án, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp **200.000đ** *(hai trăm nghìn đồng)* án phí HSST sung quỹ Nhà Nước.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:
- VKS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS Phú Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Lý